

CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3



**QUY CHẾ NỘI BỘ  
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

*Đà Nẵng, tháng 5 năm 2018*

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC TRUNG ƯƠNG 3**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;*

*Căn cứ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;*

*Căn cứ Thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;*

**Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 (Quy chế) đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành, các cán bộ quản lý khác của Công ty cổ phần Dược Trung ương 3.

Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau :

- a. Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;
- b. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị;
- d. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Kiểm soát viên;
- e. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;

- f. Thành lập và hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ;
  - g. Lựa chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp;
  - h. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc;
  - i. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
  - j. Quy định về báo cáo và công bố thông tin;
2. Đối tượng áp dụng
- a. Cổ đông Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;
  - b. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người quản lý doanh nghiệp, người điều hành doanh nghiệp của Công ty cổ phần Dược Trung ương 3 và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;
  - c. Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty cổ phần Dược Trung ương 3;

## **Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Quản trị công ty là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:
  - a. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
  - b. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - c. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
  - d. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
  - e. Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty;
2. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
3. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;
4. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
5. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
6. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;

7. “Công ty” là Công ty Cổ phần Được Trưng 3;

## **Chương II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông**

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 114, Điều 115 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra cổ đông công ty đại chúng có các quyền sau đây:
  - a. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
  - b. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do công ty công bố theo quy định của pháp luật.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

### **Điều 4. Nghĩa vụ của cổ đông lớn**

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

### **Điều 5. Điều lệ Công ty**

1. Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua và không được trái với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các quy định và văn bản pháp luật có liên quan.
2. Công ty tham chiếu xây dựng Điều lệ công ty theo hướng dẫn Điều lệ mẫu của Bộ Tài chính.

## **Điều 6. Cổ đông yêu cầu cung cấp thông tin**

Cổ đông và nhóm cổ đông có yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin theo quy định sẽ thực hiện theo trình tự như sau :

1. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác phải gửi yêu cầu bằng văn bản trực tiếp đến Hội đồng quản trị; trường hợp cổ phiếu của Công ty được lưu ký thì gửi văn bản đến tổ chức lưu ký nơi mở tài khoản lưu ký, đồng thời báo cho Công ty được biết.
2. Cổ đông yêu cầu xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có thể gửi yêu cầu bằng văn bản tới Hội đồng quản trị để được cung cấp tài liệu. Công ty có thể gửi trích lục, bản sao chụp các tài liệu trên cho cổ đông bằng đường bưu điện, qua email theo yêu cầu của cổ đông. Cổ đông yêu cầu gửi tài liệu qua đường bưu điện phải trả phí bưu điện cho Công ty ngay khi đưa yêu cầu.

## **Điều 7. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

## **Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 7 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều 18 Điều lệ Công ty.
2. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 18 của Điều lệ Công ty, cụ thể như sau :

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán . Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang

thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

#### **Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông**

1. Bộ phận quản lý cổ đông sẽ giúp cổ đông xác minh thông tin để đảm bảo rằng các quyền của họ đã được đăng ký đầy đủ. Cổ đông có quyền xác minh tính chính xác của thông tin trên sổ đăng ký cổ đông về chính bản thân họ và số cổ phần mà họ nắm giữ. Cổ đông có quyền yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải sửa chữa, bổ sung hoặc thay đổi danh sách cổ đông sau ngày đăng ký cuối cùng cho mục đích khôi phục lại quyền hợp pháp của những cổ đông không được đưa vào danh sách này hoặc sửa chữa những sai sót khác (liên quan đến thông tin của cổ đông).
3. Việc đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:
  - 3.1. Thư ký Công ty hoặc một bộ phận/ cá nhân được Hội đồng quản trị chỉ định có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký dự họp Đại hội đồng cổ đông.
  - 3.2. Cổ đông được đăng ký để xác minh tỷ lệ tối thiểu cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông dự họp theo quy định để cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bắt đầu một cách hợp lệ.
  - 3.3. Trong trường hợp cổ đông cử hơn một người đại diện được ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện. Việc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và quy định tại Điều 16 Điều lệ.
  - 3.4. Trong trường hợp Thông báo có kèm phiếu biểu quyết, cổ đông được xem là có tham dự cuộc họp trong trường hợp đã gửi phiếu biểu quyết bằng thư đảm bảo đến Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) ngày trước khi khai mạc cuộc họp.
  - 3.5. Các giấy tờ cần được mang tới cuộc họp, xuất trình và kiểm tra khi đăng ký

tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được ghi rõ trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: chứng minh thư nhân dân, hộ chiếu hoặc bản sao giấy đăng ký kinh doanh, thư mời và giấy ủy quyền (trong trường hợp được ủy quyền).

3.6. Việc đăng ký cổ đông phải được tiến hành trước khi khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 10. Cách thức bỏ phiếu, cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu**

Các quy định về tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ, cách thức bỏ phiếu, kiểm phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 20 Điều lệ công ty và Điều 143 Luật Doanh nghiệp. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

#### **1. Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp**

Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa.

#### **2. Bầu Ban Kiểm phiếu**

2.1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề cử không quá ba (03) người và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại Đại hội.

2.2. Điều kiện của các thành viên Ban kiểm phiếu bao gồm:

- a. Một trong số các thành viên Ban kiểm phiếu là người có hiểu biết về các quy định của pháp luật, có thể là nhân viên thuộc bộ phận pháp lý của Công ty.
- b. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên Hội đồng quản trị hoặc ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị, ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát.
- c. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên.
- d. Thành viên Ban kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác biểu

quyết, bầu cử.

2.3. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm phổ biến quy chế bỏ phiếu, kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Báo cáo này sẽ được cung cấp cho các cổ đông thông qua trang thông tin điện tử (website) của Công ty và bản in tại văn phòng trụ sở chính của Công ty. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này sẽ được đưa vào phụ lục của báo cáo.

2.4. Nhằm đảm bảo thủ tục kiểm phiếu được công khai và rõ ràng, chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề cử một người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm giám sát quá trình kiểm phiếu. Người này nên là một cổ đông thiểu số và độc lập với Công ty. Người này có quyền can thiệp và báo cáo ngay khi phát hiện có dấu hiệu bất thường hoặc không minh bạch trong quá trình kiểm phiếu.

2.5. Người được chỉ định giám sát quá trình kiểm phiếu có quyền:

- a. Ngăn chặn mọi hành vi vi phạm quy chế bầu cử.
- b. Báo cáo cho Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông về những dấu hiệu bất thường trong quá trình kiểm phiếu, nếu có.

3. Thông qua các Quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trong trường hợp ĐHCĐ thông qua các quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, HĐQT phải thực hiện các nhiệm vụ sau :

3.1. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết-Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất [mười lăm (15)] ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.

3.2. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa



chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 3.3. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
- 3.4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e. Các vấn đề đã được thông qua;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- 3.5. Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
- Điều kiện thông qua các nghị quyết của ĐHĐCĐ được quy định chi tiết tại Điều 21 Điều lệ công ty và Điều 145 Luật doanh nghiệp.

#### **Điều 11. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Trong Đại hội, cổ đông có thể công khai phát biểu không tán thành và sử dụng

phiếu đề biểu quyết không tán thành, có thể không tham gia biểu quyết. Tuy nhiên, sau khi ĐHĐCĐ đã biểu quyết thì phải tuân thủ kết quả biểu quyết của ĐHĐCĐ.

2. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
  - a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 22 Điều lệ Công ty.
  - b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

#### **Điều 12. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

Thư ký chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội sau đó lập biên bản Đại hội đồng cổ đông và thông qua tại Đại hội. Việc ghi chép và lập biên bản Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định Điều 23 Điều lệ công ty và Điều 146 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 13. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

1. Công ty công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 24 giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và trên phương tiện công bố thông tin Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Việc công bố thông tin được gửi cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Ủy Ban chứng khoán Nhà nước thông qua cổng thông tin điện tử và gửi chuyển phát nhanh qua bưu điện đồng thời phải công bố thông tin trên trang website của công ty. Việc công bố thông tin phải chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải do người đại diện pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Thông tin đã công bố phải được bảo quản, lưu trữ tại trụ sở chính của công ty.

#### **Điều 14. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty,

ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
2. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
3. Kết quả đánh giá của thành viên không quản lý Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
4. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
5. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
6. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
7. Các kế hoạch trong tương lai

#### **Điều 15. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên**

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
2. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
4. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

### **Chương III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 16. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc

của công ty.

- Thành viên Hội đồng quản trị của công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác.

#### **Điều 17. Thành phần Hội đồng quản trị**

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của công ty ít nhất là 05 người và nhiều nhất là 11 người. Cơ cấu Hội đồng quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới.
- Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên điều hành và các thành viên không điều hành. Tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên không điều hành.
- Công ty cần hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
- Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.

#### **Điều 18. Ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị**

- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:
  - Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - Trình độ học vấn;
  - Trình độ chuyên môn;
  - Quá trình công tác;
  - Tình trạng sức khỏe;
  - Chưa từng vi phạm pháp luật;
  - Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

- h. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
  - i. Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);
  - j. Họ, tên của các cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
2. Công ty đại chúng phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng viên Hội đồng quản trị (nếu có).
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị (ngoại trừ trường hợp đề cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần đầu sau cổ phần hóa). Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
4. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 114 Luật doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua trước khi tiến hành đề cử.

#### **Điều 19. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị**

1. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu của mình cho một người hoặc một số ứng cử viên.
2. Ứng viên trúng cử Hội đồng quản trị phải đạt tỷ lệ phiếu bầu ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết và người đại diện cổ đông có quyền biểu quyết dự họp tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số cổ phần cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng thành viên quy định đối với Hội đồng quản trị.
4. Nếu bầu vòng thứ nhất mà không đủ số thành viên Hội đồng quản trị có tỷ lệ bầu ít hơn 65% thì Đại hội đồng cổ đông tiếp tục bầu vòng 2 trong số những ứng viên còn lại cho tới khi đủ thành viên Hội đồng quản trị hoặc do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
5. Khi có kết quả bầu cử, Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một chủ tịch và các phó chủ tịch Hội đồng quản trị.
6. Trường hợp phải lựa chọn 01 trong 02 ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì việc lựa chọn sẽ do Chủ tọa quyết định theo một phương thức mà Đại hội đồng cổ đông cho là phù hợp.
7. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Điều 20. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:
  - 2.1. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
  - 2.2. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
  - 2.3. Báo cáo kịp thời và đầy đủ Hội đồng quản trị các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phân vốn góp của công ty;
  - 2.4. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực công tác phải trực tiếp tổng hợp và báo cáo trước các kỳ họp thường kỳ của Hội đồng quản trị. Căn cứ vào báo cáo trên, Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo Tổng Giám đốc trong mọi hoạt động của Công ty.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị nắm bắt, tổng hợp và đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết, quyết định, quy chế của Hội đồng quản trị đã ban hành để kiến nghị với Hội đồng quản trị sửa đổi (nếu có) cho phù hợp với tình hình thực tế và quy định của pháp luật hiện hành.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 21. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Hội đồng quản trị có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định;
5. Hội đồng quản trị có trách nhiệm quy hoạch cán bộ, lập kế hoạch kế tục và thay thế những người điều hành doanh nghiệp kể cả Tổng giám đốc.
6. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định;
7. Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo có các hệ thống kiểm soát nội bộ và thông tin quản lý tương xứng để hỗ trợ cho hoạt động công ty, đảm bảo độ tin cậy trong các quy trình trách nhiệm cung cấp thông tin kịp thời phục vụ cho theo dõi kiểm soát báo cáo. Cụ thể:
  - 7.1. Thỏa thuận với Tổng giám đốc về việc đạt được các mục tiêu cụ thể.
  - 7.2. Ủy quyền cho Tổng giám đốc điều hành hoạch định các chính sách, ra quyết định, triển khai các hoạt động để đạt được các mục tiêu đề ra.
  - 7.3. Có thể thay đổi các mục tiêu và hạn chế các thẩm quyền của Tổng giám đốc điều hành.
  - 7.4. Cùng với Tổng giám đốc xây dựng nội dung công việc cụ thể và giới hạn thẩm quyền đối với các vị trí trong ban Tổng giám đốc.
  - 7.5. Chỉ định Thư ký công ty và đảm bảo rằng Thư ký công ty là người có

năng lực để thực hiện các tư vấn và dịch vụ cần thiết cho các thành viên HĐQT và khi được yêu cầu, nếu thích hợp, thực hiện việc bãi miễn Thư ký công ty.

8. Hội đồng quản trị có trách nhiệm đánh giá kết quả hoạt động của các tiểu ban và thành viên của tiểu ban để xem xét việc thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu đã đặt ra.

## **Điều 22. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải họp và ra quyết định về việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp theo quy định tại Điều 156 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 26 Điều lệ như sau :
  - 1.1. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
  - 1.2. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
  - 1.3. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
  - 1.4. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
  - 1.5. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
  - 1.6. Thành viên đó bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
  - 1.7. Thành viên đó có hành vi vi phạm Pháp luật và bị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tạm giam, tạm giữ theo quy định của Pháp luật Tố tụng hình sự.
2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau :
  - 2.1. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - 2.2. Số lượng thành viên không quản lý Hội đồng quản trị giảm xuống , không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 134 của Luật Doanh nghiệp



3. Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
4. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo luật chứng khoán về công bố thông tin của công ty niêm yết.

### **Điều 23. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người được thay mặt Hội đồng quản trị để thực hiện các nội dung công việc của Hội đồng quản trị đã được quy định tại Quy chế này. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nhiệm vụ:
  - 1.1. Chịu trách nhiệm liên lạc thường xuyên với các cổ đông
  - 1.2. Theo dõi hoạt động của Tổng giám đốc
  - 1.3. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị có tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc và thư ký công ty;
  - 1.4. Chuẩn bị chương trình, các tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ hay bất thường, bảo đảm không có thành viên nào chi phối cuộc thảo luận và cuộc thảo luận thu hút sự tham gia của tất cả các thành viên; tập hợp được nhiều ý kiến khác nhau và nỗ lực để đạt được sự đồng thuận của các thành viên HĐQT;
  - 1.5. Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị dưới những hình thức khác;
  - 1.6. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - 1.7. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông;
  - 1.8. Các quyền và nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.
2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao, thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một ủy viên Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được uỷ quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại chọn một trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị xác nhận và được hạch toán vào chi phí của Công ty.

#### **Điều 24. Thông báo họp và điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Việc tổ chức họp Hội đồng quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (05) ngày trước ngày họp dự kiến, cách thức và các thủ tục để tiến hành phiên họp Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 30 Điều lệ của Công ty.
2. Tùy theo nội dung cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định mở rộng thành phần mời dự họp. Thành viên được mời có quyền tham gia ý kiến, nhưng không có quyền biểu quyết.

#### **Điều 25. Cách thức biểu quyết**

1. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 30 Điều lệ Công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
3. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

#### **Điều 26. Cách thức thông qua Nghị quyết của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị sẽ thông qua nghị quyết và ra quyết định theo đa số (hơn

50%) trên số thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì Chủ tịch HĐQT sẽ có một lá phiếu quyết định.

## 2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

2.1. Khi cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các cách thức như sau :

- a. Gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT;
- b. Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong Thông báo lấy ý kiến;
- c. Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu do Chủ tịch HĐQT làm Trưởng ban để kiểm tra kết quả kiểm phiếu;
- d. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết và Quyết định của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

2.2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

2.3. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông báo theo quy định của Ủy ban Chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, Trung tâm lưu ký chứng khoán và các quy định có liên quan khác.

## **Điều 27. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng theo quy định tại Điều 154 Luật Doanh nghiệp, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

## **Chương IV: BAN KIỂM SOÁT VÀ KIỂM SOÁT VIÊN**

### **Điều 28. Tiêu chuẩn kiểm soát viên**

1. Số lượng Kiểm soát viên là 03 người. Kiểm soát viên có thể không phải là cổ đông của công ty.
2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại

khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- 2.1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- 2.2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
3. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

### **Điều 29. Ứng cử , đề cử Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Điều 18 Quy chế này.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua trước khi tiến hành đề cử.
3. Các thức bầu Ban kiểm soát được thực hiện tương tự như bầu thành viên Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 19 Quy chế này. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên thực hiện theo quy định hiện hành và các Thông tư hướng dẫn của Luật chứng khoán và Luật Doanh nghiệp

### **Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin, hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu trữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin , tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên. Yêu cầu phải được lập thành văn bản.
3. Việc cung cấp thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.
4. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

### **Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - 1.1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
  - 1.2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
  - 1.3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông;
2. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
3. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 15 Quy chế này

### **Điều 32. Cuộc họp Ban Kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

### **Điều 33. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty;

## **Chương V: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 34. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị sẽ thành lập các Tiểu ban trực thuộc để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 31 của Điều lệ là Tiểu ban Nhân Sự, Tiểu ban Lương thưởng, các tiểu ban khác. Hội đồng quản trị sẽ quyết định cách thức thành lập, quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của từng Tiểu ban và của từng thành viên trong Tiểu ban thông qua các quy chế nội bộ của Tiểu ban hoặc các quyết định thành lập tại từng thời điểm.
2. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, Hội đồng quản trị có thể phân công thành viên không quản lý Hội đồng quản trị giúp Hội đồng quản trị trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.

### **Điều 35. Cơ cấu của các tiểu ban**

1. Số lượng thành viên của mỗi Tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định và cân nhắc tại từng thời điểm, nhưng mỗi Tiểu ban sẽ có ít nhất ba (03) thành viên.
2. Các thành viên trong Tiểu ban không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Trong mỗi Tiểu ban, sẽ có ít nhất một thành viên Hội đồng quản trị và có ít nhất một thành viên đáp ứng đầy đủ các điều kiện của một thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Tiểu ban làm Chủ tịch Tiểu ban. Các bên liên quan khác, nhất là những người điều hành doanh nghiệp, những người không phải là thành viên của các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, có thể được mời dự bàn về các vấn đề cụ thể nào đó, nhưng chỉ có tư cách quan sát và không có quyền can thiệp hoặc quyết định đối với các vấn đề được dự bàn.

### **Điều 36. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban**

1. Các thành viên trong các tiểu ban phải liêm khiết và đang công tác trong lĩnh vực, nắm vững những nguyên tắc cơ bản về chuyên môn của tiểu ban.
2. Trưởng của các Tiểu ban này được ưu tiên lựa chọn trong số những thành viên

Hội đồng quản trị không điều hành. Trưởng của một Tiểu ban phải báo cáo lên Chủ tịch Hội đồng quản trị về những công việc của Tiểu ban. Bên cạnh đó, các Trưởng của các Tiểu ban phải có mặt tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông để trả lời những câu hỏi của các cổ đông.

3. Trưởng của một Tiểu ban phải:

- a. Thông báo cho Hội đồng quản trị biết về tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến công việc của Tiểu ban, ít nhất ba (03) tháng một lần.
- b. Nộp cho Hội đồng quản trị tất cả những dữ liệu mà Hội đồng quản trị yêu cầu, không được chậm trễ.
- c. Thực hiện những biện pháp quản lý cần thiết để đảm bảo rằng Tiểu ban hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

**Điều 37. Trách nhiệm của từng thành viên và các tiểu ban**

1. Hội đồng quản trị là một tập thể trong đó các quyền và nghĩa vụ của các thành viên được xác định rõ ràng theo Quy chế này và Điều lệ Công ty, cụ thể là mọi thành viên có quyền và nghĩa vụ như nhau, mọi thành viên đều phải chịu trách nhiệm chung, mọi thành viên phải cống hiến với tư cách là một thể chế tuân theo các thủ tục cụ thể liên quan đến việc ra quyết định.
2. Trách nhiệm cuối cùng trong việc ra quyết định thuộc về tập thể Hội đồng quản trị. Các Tiểu ban trực thuộc thực hiện và đưa ra những đề xuất liên quan đến những vấn đề đã được Hội đồng quản trị giao phó.

**Chương VI: LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

**Điều 38. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Tổng giám đốc điều hành, các Phó tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh cán bộ quản lý khác. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh người điều hành doanh nghiệp phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

**Điều 39. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp, cán bộ quản lý**

1. Tiêu chuẩn lựa chọn và bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp và các cán bộ quản lý:
  - a. Trình độ chuyên môn

- b. Kinh nghiệm về vị trí tuyển dụng
  - c. Đảm bảo sức khỏe trong thời gian đương nhiệm
  - d. Chưa vi phạm pháp luật, có đạo đức nghề nghiệp.
  - e. Các tiêu chí phụ khác : Bằng cấp, có kinh nghiệm hoặc đã từng đảm nhiệm vị trí tuyển dụng ít nhất 2 năm,...
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc điều hành áp dụng các tiêu chuẩn khoản 1 Điều này và theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh nghiệp.

**Điều 40. Bỏ nhiệm cán bộ quản lý, người điều hành doanh nghiệp**

1. Người điều hành doanh nghiệp bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm.
2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh cán bộ quản lý còn lại thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc
3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của Tổng giám đốc được quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty.
4. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm đảm bảo để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
5. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Hợp đồng với những người điều hành khác thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị bổ nhiệm thì do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc. Hợp đồng với những người điều hành khác không thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, người lao động trong công ty do Tổng giám đốc quyết định dựa trên các quy định của pháp luật và các quy chế nội bộ có liên quan hiện hành.
6. Người điều hành doanh nghiệp, cán bộ quản lý xin từ chức phải làm đơn gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 45 ngày kể



từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc thì cán bộ quản lý đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có thể miễn nhiệm cán bộ quản lý trong trường hợp sau :
  - a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
  - b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
  - c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
  - d. Không đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện làm người điều hành, cán bộ quản lý;
  - e. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.
8. Bổ nhiệm lại chức vụ của người điều hành doanh nghiệp, cán bộ quản lý
  - a. Khi cán bộ quản lý kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Hội đồng quản trị / Tổng giám đốc phải xem xét bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại. Hội đồng quản trị / Tổng giám đốc quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.
  - b. Việc bổ nhiệm lại được thực hiện căn cứ vào hiệu quả công việc của nhiệm kỳ trước của người điều hành, cán bộ quản lý đó.

#### **Điều 41. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp, cán bộ quản lý**

1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm cán bộ quản lý công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) cho người điều hành doanh nghiệp. Tổng giám đốc ký hợp đồng lao động với các cán bộ quản lý khác theo thẩm quyền.
2. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm, quyền hạn và các nội dung khác theo quy định của pháp luật lao động.

#### **Điều 42. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý, người điều hành doanh nghiệp**

Việc công bố thông tin về bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, các bộ quản lý được thực hiện trong nội bộ Công ty và thực hiện theo quy

định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

#### **Điều 43. Thư ký công ty**

Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị, vai trò và nhiệm vụ của thư ký công ty được quy định cụ thể tại Điều 32 Điều lệ và khoản 5 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

### **Chương VII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Điều 44. Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, Tổng giám đốc là người điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Công ty, tổ chức thực hiện các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và chủ động điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc được quy định cụ thể tại Điều 35 Điều lệ Công ty.

#### **Điều 45. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc**

1. Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm nghiên cứu xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Khi phát hiện những vấn đề không có lợi cho công ty, Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng quản trị để ra quyết định điều chỉnh. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất.
2. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình

trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó; đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.

4. Tổng giám đốc phải báo cáo trong các cuộc họp HĐQT về các vấn đề sau: các vấn đề ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động của công ty, ảnh hưởng đến công ty, cổ đông và thị trường; cơ cấu tổ chức công ty, các hệ thống hiện có nhằm phát triển đội ngũ lãnh đạo cấp cao của công ty và hiệu quả của chúng.
5. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

#### **Điều 46. Nội dung phối hợp hoạt động điều hành, giám sát giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc**

1. Tổng giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Trong vòng 10 (Mười) ngày đầu tháng, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo chương trình công tác hàng tháng của Ban Tổng giám đốc, kết quả hoạt động kinh doanh của tháng trước và các đề xuất (nếu có) cho Hội đồng quản trị bằng văn bản.
3. Tổng giám đốc phải xin ý kiến Hội đồng quản trị về các chủ trương đầu tư; danh mục các dự án đầu tư hàng năm và các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
4. Thành viên Hội đồng quản trị phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc hoạch định chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh kinh doanh, cơ cấu đầu tư.. Ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị là cơ sở để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề này;
5. Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Tổng giám đốc, xét thấy vấn đề phức tạp và cần thiết Tổng giám đốc có thể tham khảo ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị trước khi quyết định. Các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm trợ giúp phối hợp cùng Ban Tổng giám đốc để Tổng giám đốc có quyết định hợp lý nhất;
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị không xử lý các công việc thuộc thẩm quyền, nhiệm vụ của Tổng giám đốc và bộ máy điều hành.
7. Hội đồng quản trị tạo điều kiện về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở

- vật chất, trang thiết bị kỹ thuật và thiết lập hành lang pháp lý nội bộ giúp Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm được giao;
8. Vào ngày 30 tháng 10 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

#### **Điều 47. Mối quan hệ của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát**

1. Hội đồng quản trị luôn hợp tác chặt chẽ với Ban Kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tài liệu, thông tin cần thiết cho Ban Kiểm soát, tôn trọng tính khách quan, độc lập của Ban Kiểm soát. Hội đồng quản trị hỗ trợ Ban Kiểm soát trong quá trình kiểm tra, kiểm toán các hoạt động kinh doanh, quản lý điều hành của công ty.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm theo dõi chỉ đạo việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của Ban Kiểm soát, kể cả những sai sót của chính Hội đồng quản trị.
3. Ban Kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị với tư cách là quan sát viên.

#### **Chương VIII: ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 48. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp**

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị.
2. Tổng Giám đốc chủ trì công tác đánh giá các cán bộ quản lý từ Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Trưởng, Phó Phòng ban, Giám đốc, phó Giám đốc nhà máy trên cơ sở căn cứ vào Quy chế thi đua khen thưởng của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận và của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:
  - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
  - Hoàn thành nhiệm vụ

- Không hoàn thành nhiệm vụ

#### **Điều 49. Quy trình khen thưởng**

1. Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc; Tổng Giám đốc tổng hợp, trình Hội đồng quản trị đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
2. Chế độ tiền thưởng:
  - Bằng tiền
  - Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên.
3. Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty và nguồn hợp pháp khác.
4. Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng

#### **Điều 50. Xử lý vi phạm và kỷ luật**

1. Hàng năm, công ty căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ kỷ luật, hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

### **Chương IX: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

#### **Điều 51. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng

- những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
  4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
  5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 52. Giao dịch với người có liên quan**

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.
2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.
4. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu những người có liên quan phải công khai các lợi ích liên quan và cổ đông lớn ( sở hữu từ 5% cổ phần có quyền biểu quyết trở lên) cung cấp và cập nhật định kỳ thông tin về người có liên quan của họ.

#### **Điều 53. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp, người điều hành doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này**

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp sau cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.
3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:
  - 3.1. Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;
  - 3.2. Trường hợp pháp luật có quy định khác.
4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau:
  - 4.1. Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành, người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
  - 4.2. Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng sau:
    - a. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
    - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
    - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.
5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 20% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

**Điều 54.Đảm bảo quyền hợp pháp của người có quyền lợi liên quan đến công ty**

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến công ty theo quy định của pháp luật hiện hành, và Điều lệ công ty.
2. Công ty phải tuân thủ các quy định pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

**Chương X: BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Điều 55.Nghĩa vụ công bố thông tin**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho cổ đông và công chúng. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện bảo đảm cổ đông và công chúng có thể tiếp cận công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

**Điều 56.Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý công ty**

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.
2. Trong trường hợp công ty thay đổi mô hình hoạt động, công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định thay đổi mô hình.

**Điều 57.Công bố thông tin về quản trị công ty**

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

**Điều 58.Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc**

Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phải được thể hiện



thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

**Điều 59. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc**

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 Nghị định 71/2017/NĐ-CP, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người có liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc hoặc cổ đông lớn.

**Điều 60. Tổ chức công bố thông tin**

1. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của công ty đại chúng có trách nhiệm sau:
  - 2.1. Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
  - 2.2. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ

**Chương XI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 61. Sửa đổi, bổ sung Quy chế**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế phải được Hội đồng quản trị xem xét và quyết định.
2. Trong quá trình thực hiện, trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc pháp luật có sự điều chỉnh, thay đổi về vấn đề liên quan thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng.

**Điều 62. Điều khoản thi hành**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Các bản sao, trích lục Quy chế này chỉ có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội

- đồng quản trị hoặc chữ ý  $\frac{1}{2}$  số thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý và người lao động của Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**NGUYỄN THÀNH LINH**

